

Số: 459/QĐTN – ĐHKTYTHD

Hải Dương, ngày 25 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

"V/v công nhận tốt nghiệp đại học chính quy – đợt xét tháng 8/2017"

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

Căn cứ quyết định số 868/QĐ-TTg ngày 12/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương;

Căn cứ quyết định số 1578/QĐ-BYT ngày 24/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ - BGD&ĐT ban hành ngày 15/8/2007 của Bộ giáo dục và đào tạo về việc ban hành Qui định về tổ chức đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 271/QĐ – ĐHKTYTHD ban hành ngày 26/8/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương về việc ban hành Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương;

Căn cứ nghị quyết phiên họp Hội đồng xét tốt nghiệp ngày 10/8/2017.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp đại học chính quy cho 423 sinh viên (415 sinh viên khóa 2013-2017 và 08 sinh viên khóa 2012-2016) thuộc các ngành: Điều dưỡng, Xét nghiệm y học, Kỹ thuật Hình ảnh y học, Phục hồi chức năng.

(Có danh sách kèm theo).

Điều 2: Các ông, bà Trưởng phòng Quản lý Đào tạo, phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng đào tạo, phòng Tổ chức cán bộ, phòng Hành chính quản trị, phòng Công tác quản lý sinh viên, phòng Trang thiết bị, phòng Tài chính kế toán, phòng QLKH & HTQT, phòng Công nghệ thông tin, khoa Điều dưỡng, khoa Xét nghiệm, khoa Chẩn đoán hình ảnh, khoa Phục hồi chức năng, khoa Y và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu QLĐT.



HIỆU TRƯỞNG

TS.Đinh Thị Diệu Hằng

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
KHOẠI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 8/2017)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 459/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 25 tháng 8 năm 2017)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	TBC HT	Xếp loại TN
1	2110113021	Đặng Khánh Ly	19/11/1995	01ĐH13ĐD	Hải Dương	7.41	Khá
2	2110113043	Vũ Thị Thơm	17/10/1995	01ĐH13ĐD	Hải Dương	7.19	Khá
3	2110613027	Nguyễn Thị Phương	16/11/1995	01ĐH13ĐD	Hải Dương	7.38	Khá
4	3110212021	Nguyễn Thị Hằng	22/05/1994	01ĐH13ĐD	Hưng Yên	7.34	Khá
5	3110213002	Nguyễn Ngọc Anh	02/08/1995	01ĐH13ĐD	Bắc Giang	7.58	Khá
6	3110213003	Nguyễn Thị Lan Anh	21/05/1994	01ĐH13ĐD	Bắc Ninh	7.45	Khá
7	3110213004	Nguyễn Thị Mai Anh	24/12/1995	01ĐH13ĐD	Hải Dương	7.49	Khá
8	3110213005	Phạm Minh Anh	30/11/1995	01ĐH13ĐD	TP Hà Nội	7.22	Khá
9	3110213007	Hoàng Thị Diễm	12/12/1993	01ĐH13ĐD	Lạng Sơn	7.7	Khá
10	3110213008	Lê Thị Dung	16/05/1995	01ĐH13ĐD	Thanh Hóa	8.02	Giỏi
11	3110213009	Lương Thị Thuý Dung	02/02/1995	01ĐH13ĐD	Hải Dương	7.23	Khá
12	3110213010	Mạc Thuý Dung	11/04/1995	01ĐH13ĐD	Hải Phòng	7.02	Khá
13	3110213011	Lê Thị Duyên	08/08/1995	01ĐH13ĐD	Thái Bình	6.73	Trung bình khá
14	3110213012	Nguyễn Thị Duyên	27/01/1995	01ĐH13ĐD	Hải Phòng	7.79	Khá
15	3110213014	Hà Thị Giang	10/02/1995	01ĐH13ĐD	Vĩnh Phúc	7.61	Khá
16	3110213015	Nguyễn Thị Hương Giang	08/11/1995	01ĐH13ĐD	Bắc Ninh	7.31	Khá
17	3110213016	Vũ Thị Hà Giang	03/04/1995	01ĐH13ĐD	Lai Châu	7.29	Khá
18	3110213017	Nguyễn Thị Hà	09/09/1995	01ĐH13ĐD	Bắc Ninh	7.01	Khá
19	3110213018	Nguyễn Thị Thu Hà	09/02/1995	01ĐH13ĐD	Hưng Yên	7.38	Khá
20	3110213019	Nguyễn Thu Hà	16/09/1995	01ĐH13ĐD	Hưng Yên	7.52	Khá
21	3110213020	Vũ Thị Thu Hà	04/09/1995	01ĐH13ĐD	Hải Dương	6.81	Trung bình khá
22	3110213021	Nguyễn Thu Hằng	29/11/1995	01ĐH13ĐD	Hải Dương	7.05	Khá
23	3110213022	Phạm Thị Hoà	20/10/1995	01ĐH13ĐD	Bắc Giang	7.26	Khá
24	3110213023	Phạm Thị Hòe	02/03/1995	01ĐH13ĐD	Bắc Ninh	7.77	Khá
25	3110213024	Phạm Hoàng Mai Huyền	16/11/1995	01ĐH13ĐD	TP Hà Nội	7.51	Khá
26	3110213025	Phạm Thị Huyền	16/01/1995	01ĐH13ĐD	TP Hà Nội	7.2	Khá
27	3110213026	Nguyễn Thị Hương	20/03/1995	01ĐH13ĐD	Bắc Giang	7.28	Khá
28	3110213027	Nguyễn Thị Hương	25/07/1995	01ĐH13ĐD	TP Hà Nội	7.41	Khá
29	3110213028	Phạm Thị Hương	16/10/1995	01ĐH13ĐD	Hải Dương	6.65	Trung bình khá
30	3110213029	Trần Thị Hương	08/10/1995	01ĐH13ĐD	Bắc Giang	7.81	Khá
31	3110213030	Lê Thị Hường	23/10/1995	01ĐH13ĐD	Vĩnh Phúc	7.14	Khá
32	3110213031	Nguyễn Thị Kiên	07/04/1994	01ĐH13ĐD	Bắc Giang	7.08	Khá
33	3110213032	Lưu Thị Lan	29/08/1995	01ĐH13ĐD	Hưng Yên	7.28	Khá

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
KHOA ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 8/2017)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 459/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 25 tháng 8 năm 2017)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	TBC HT	Xếp loại TN
34	3110213033	Nguyễn Thị Ngọc Lan	06/04/1995	01ĐH13ĐD	Hải Dương	7.91	Khá
35	3110213034	Phan Thị Lan	01/07/1995	01ĐH13ĐD	Bắc Ninh	7.33	Khá
36	3110213035	Nguyễn Thị Lanh	31/05/1994	01ĐH13ĐD	Bắc Giang	7.12	Khá
37	3110213036	Khiếu Thị Lành	23/10/1995	01ĐH13ĐD	Thái Bình	7.12	Khá
38	3110213037	Phạm Thị Lệ	19/09/1995	01ĐH13ĐD	Hung Yên	7.27	Khá
39	3110213038	Trần Thuý Linh	21/01/1995	01ĐH13ĐD	Bắc Ninh	7.78	Khá
40	3110213039	Nguyễn Thị Thanh Loan	13/10/1995	01ĐH13ĐD	Hải Dương	7.88	Khá
41	3110213041	Tăng Thị Lợi	08/02/1995	01ĐH13ĐD	Bắc Giang	7.01	Khá
42	3110213042	Nguyễn Thị Lương	24/04/1994	01ĐH13ĐD	Bắc Ninh	7.13	Khá
43	3110213043	Nguyễn Thị Hương Ly	29/11/1995	01ĐH13ĐD	Hải Phòng	7.14	Khá
44	3110213044	Nguyễn Hằng Nga	07/11/1994	01ĐH13ĐD	Hải Dương	7.71	Khá
45	3110213045	Nguyễn Thị Ngân	18/01/1995	01ĐH13ĐD	Bắc Ninh	7.21	Khá
46	3110213046	Nguyễn Thị ánh Ngọc	18/12/1994	01ĐH13ĐD	Thái Bình	7.12	Khá
47	3110213048	Nguyễn Thị ánh Nguyệt	24/12/1995	01ĐH13ĐD	Hải Dương	7.16	Khá
48	3110213049	Nguyễn Thị Nhung	10/12/1995	01ĐH13ĐD	Hung Yên	7.22	Khá
49	3110213050	Đào Thị Như	04/09/1995	01ĐH13ĐD	TP Hà Nội	7.4	Khá
50	3110213051	Quách Thị Uyên	13/11/1995	01ĐH13ĐD	Bắc Giang	7.49	Khá
51	3110213052	Đặng Minh Phương	21/12/1995	01ĐH13ĐD	Quảng Ninh	7.37	Khá
52	3110213053	Trần Thị Phương	26/02/1995	01ĐH13ĐD	Hải Dương	7.35	Khá
53	3110213056	Lê Thị Quỳnh	24/10/1995	01ĐH13ĐD	Bắc Giang	7.27	Khá
54	3110213057	Nguyễn Thị Hải Quỳnh	22/01/1995	01ĐH13ĐD	Quảng Ninh	7.3	Khá
55	3110213058	Ngô Thị Thuý Sao	08/09/1995	01ĐH13ĐD	Bắc Giang	7.36	Khá
56	3110213059	Bùi Hoàng Thanh	25/01/1995	01ĐH13ĐD	Hải Dương	7.2	Khá
57	3110213060	Bùi Thị Thắm	20/02/1995	01ĐH13ĐD	Bắc Ninh	7.39	Khá
58	3110213061	Nguyễn Thị Thoa	10/08/1995	01ĐH13ĐD	Hải Dương	7.01	Khá
59	3110213062	Nguyễn Thị Hoài Thu	16/10/1994	01ĐH13ĐD	Bắc Giang	7.38	Khá
60	3110213063	Nguyễn Thị Thuý	24/10/1995	01ĐH13ĐD	Bắc Giang	6.97	Trung bình khá
61	3110213064	Trần Văn Tùng	08/11/1995	01ĐH13ĐD	Hung Yên	7.23	Khá
62	3110213066	Nguyễn Thị Tươi	07/03/1995	01ĐH13ĐD	TP Hà Nội	7.09	Khá
63	3110213068	Phạm Thị Trang	24/08/1995	01ĐH13ĐD	Hải Dương	7.16	Khá
64	3110213069	Vũ Thị Xoan	21/04/1994	01ĐH13ĐD	Hải Dương	6.99	Trung bình khá
65	3110213071	Lê Thị Hải Vân	08/09/1995	01ĐH13ĐD	Bắc Ninh	7.05	Khá
66	3110213072	Nguyễn Thị Vân	29/08/1995	01ĐH13ĐD	Bắc Giang	7.32	Khá

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
KHOẠI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 8/2017)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 459/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 25 tháng 8 năm 2017)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	TBC HT	Xếp loại TN
67	3110213073	Nguyễn Thị Yến	28/02/1995	01ĐH13ĐD	Bắc Ninh	7.75	Khá
68	3110213074	Vũ Thị Yến	28/05/1995	01ĐH13ĐD	Hung Yên	7.2	Khá
69	3110213075	Khikkham Duangnamkham	06/12/1994	01ĐH13ĐD	Lào	7.18	Khá
70	2110613018	Nguyễn Thị Hường	26/12/1995	01ĐH13GM	Hải Dương	6.97	Trung bình khá
71	2110613021	Trần Thị Hương Lan	08/02/1995	01ĐH13GM	Bắc Ninh	7.72	Khá
72	2110613022	Nguyễn Thị Linh	11/09/1995	01ĐH13GM	Bắc Ninh	7.36	Khá
73	3110613001	Lê Ngọc Phương Anh	08/01/1995	01ĐH13GM	Hải Dương	7.41	Khá
74	3110613002	Phạm Năng Tuấn Anh	05/12/1995	01ĐH13GM	Hung Yên	6.66	Trung bình khá
75	3110613004	Phạm Thị Hải Yến Chi	15/08/1995	01ĐH13GM	Hải Dương	7.13	Khá
76	3110613005	Ngô Ngọc Diệp	20/07/1995	01ĐH13GM	Hải Phòng	6.88	Trung bình khá
77	3110613006	Dương Thị Dịu	06/04/1995	01ĐH13GM	Bắc Ninh	7.34	Khá
78	3110613007	Bùi Thị Hằng	16/12/1995	01ĐH13GM	Hải Phòng	6.91	Trung bình khá
79	3110613008	Dương Thị Bích Hiền	11/12/1995	01ĐH13GM	Bắc Giang	6.73	Trung bình khá
80	3110613009	Nguyễn Thị Phương Hoa	10/09/1995	01ĐH13GM	Bắc Ninh	7.27	Khá
81	3110613010	Nguyễn Thị Huệ	11/12/1995	01ĐH13GM	Hung Yên	6.86	Trung bình khá
82	3110613013	Nguyễn Thị Mai Hương	03/02/1995	01ĐH13GM	Hải Phòng	7.68	Khá
83	3110613016	Ngô Thị Giang Lam	17/10/1995	01ĐH13GM	Bắc Ninh	7.13	Khá
84	3110613018	Nguyễn Thị Cẩm Lệ	26/08/1995	01ĐH13GM	Hải Dương	7.33	Khá
85	3110613019	Trần Thị Liên	03/03/1995	01ĐH13GM	Bắc Ninh	6.87	Trung bình khá
86	3110613020	Hoàng Thị Linh	17/03/1995	01ĐH13GM	TP Hà Nội	7	Khá
87	3110613021	Nguyễn Thị Lụa	03/07/1995	01ĐH13GM	Bắc Giang	6.64	Trung bình khá
88	3110613023	Đỗ Thị Ngọc Mai	16/09/1995	01ĐH13GM	Quảng Ninh	6.79	Trung bình khá
89	3110613025	Nguyễn Thị Ngân	06/05/1994	01ĐH13GM	Hải Dương	7.05	Khá
90	3110613026	Phạm Thị Ngọc	07/06/1995	01ĐH13GM	Hải Dương	6.96	Trung bình khá
91	3110613027	Nguyễn Thị ánh Nguyệt	04/10/1995	01ĐH13GM	Bắc Ninh	7.07	Khá
92	3110613029	Đặng Thị Phương	18/10/1995	01ĐH13GM	Bắc Giang	7.76	Khá
93	3110613031	Nguyễn Xuân Quý	13/10/1995	01ĐH13GM	Bắc Giang	6.42	Trung bình khá
94	3110613033	Nguyễn Thị Minh Tâm	28/11/1995	01ĐH13GM	Bắc Ninh	7.01	Khá
95	3110613034	Nguyễn Thị Thanh	20/09/1995	01ĐH13GM	Hải Dương	7.19	Khá
96	3110613035	Ngô Thị Thảo	04/02/1995	01ĐH13GM	Hải Dương	7.13	Khá
97	3110613036	Phạm Thị Thảo	15/03/1995	01ĐH13GM	Hải Dương	6.85	Trung bình khá
98	3110613037	Nguyễn Thị Hoài Thu	23/03/1995	01ĐH13GM	Bắc Ninh	6.96	Trung bình khá
99	3110613038	Nguyễn Thị Thuý	24/09/1995	01ĐH13GM	Bắc Giang	6.88	Trung bình khá

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
KHOẠI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 8/2017)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 459/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 25 tháng 8 năm 2017)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	TBC HT	Xếp loại TN
100	3110613039	Trịnh Thị Thuỷ	07/08/1995	01ĐH13GM	Hung Yên	6.79	Trung bình khá
101	3110613041	Hà Văn Tiến	24/10/1995	01ĐH13GM	Hải Dương	6.81	Trung bình khá
102	3110613044	Hoàng Hồng Hoài Trang	30/10/1995	01ĐH13GM	Bắc Giang	7.03	Khá
103	3110613047	Trần Thị Xuân	05/05/1995	01ĐH13GM	Bắc Giang	7.24	Khá
104	3110613048	Vũ Thị Vinh	13/09/1995	01ĐH13GM	Hung Yên	7.42	Khá
105	3110613050	Trần Thị Yến	04/08/1995	01ĐH13GM	Bắc Ninh	7.44	Khá
106	2110113022	Nguyễn Thị Mai	29/12/1995	01ĐH13HS	Hải Dương	7.27	Khá
107	2110113036	Nguyễn Thị Thảo Thuyên	26/11/1995	01ĐH13HS	Hải Dương	6.99	Trung bình khá
108	2110313045	Phạm Thị Thùy Trang	28/04/1995	01ĐH13HS	Nam Định	7.66	Khá
109	2110313048	Lương Thị Yến	12/08/1995	01ĐH13HS	Hải Dương	7.08	Khá
110	3110312005	Phan Thị Lan Anh	27/06/1994	01ĐH13HS	Bắc Giang	7.22	Khá
111	3110313001	Nguyễn Thị Anh	17/08/1995	01ĐH13HS	Bắc Ninh	7.11	Khá
112	3110313002	Hoàng Thị Cúc	20/05/1995	01ĐH13HS	Bắc Giang	7.58	Khá
113	3110313003	Nguyễn Thị Dịu	18/04/1995	01ĐH13HS	Hung Yên	7.42	Khá
114	3110313004	Khúc Thị Hồng Duyên	27/11/1995	01ĐH13HS	Thái Bình	7.22	Khá
115	3110313005	Nguyễn Thị Duyên	15/01/1995	01ĐH13HS	Hải Dương	6.95	Trung bình khá
116	3110313006	Vũ Thị Đào	01/02/1995	01ĐH13HS	Hải Dương	7.52	Khá
117	3110313007	Lê Thị Thu Hà	18/10/1995	01ĐH13HS	TP Hà Nội	7.64	Khá
118	3110313009	Phạm Thị Mỹ Hạnh	02/10/1995	01ĐH13HS	Ninh Bình	7.33	Khá
119	3110313010	Doãn Thị Hậu	21/09/1995	01ĐH13HS	Thanh Hóa	7.55	Khá
120	3110313011	Nguyễn Thị Hiền	12/06/1995	01ĐH13HS	Bắc Ninh	7.11	Khá
121	3110313012	Bùi Thị Hoa	14/10/1995	01ĐH13HS	Bắc Giang	7.14	Khá
122	3110313013	Bùi Thị Hoài	22/10/1995	01ĐH13HS	Thái Bình	7.13	Khá
123	3110313015	Phùng Thị Huế	15/04/1995	01ĐH13HS	Hung Yên	7.34	Khá
124	3110313016	Vũ Thị Huệ	10/02/1995	01ĐH13HS	Hải Dương	7.08	Khá
125	3110313017	Đặng Thu Huyền	25/07/1995	01ĐH13HS	Quảng Ninh	7.12	Khá
126	3110313018	Nguyễn Thanh Huyền	21/10/1995	01ĐH13HS	TP Hà Nội	6.89	Trung bình khá
127	3110313019	Cao Thị Lan Hương	31/12/1995	01ĐH13HS	Hung Yên	7.47	Khá
128	3110313021	Nguyễn Thị Lan	10/10/1995	01ĐH13HS	Thanh Hóa	7.55	Khá
129	3110313022	Nguyễn Thị Liên	10/09/1995	01ĐH13HS	TP Hà Nội	7.25	Khá
130	3110313023	Nguyễn Thùy Linh	28/09/1995	01ĐH13HS	TP Hà Nội	7.62	Khá
131	3110313024	Phạm Thùy Linh	14/05/1995	01ĐH13HS	TP Hà Nội	7.25	Khá
132	3110313025	Đào Thị Thùy Ly	01/02/1995	01ĐH13HS	Hung Yên	6.9	Trung bình khá

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
KHỐI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 8/2017)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 459/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 25 tháng 8 năm 2017)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	TBC HT	Xếp loại TN
133	3110313026	Phan Thị Lý	26/02/1995	01ĐH13HS	Hưng Yên	7.32	Khá
134	3110313028	Nguyễn Thị Thanh Minh	26/12/1995	01ĐH13HS	Hải Phòng	7.14	Khá
135	3110313029	Nguyễn Thị Nga	06/09/1995	01ĐH13HS	Bắc Ninh	7.5	Khá
136	3110313030	Nguyễn Thị Ngân	10/02/1995	01ĐH13HS	Bắc Ninh	7.53	Khá
137	3110313031	Lê Thị Bích Ngọc	10/10/1995	01ĐH13HS	Bắc Giang	7.55	Khá
138	3110313033	Tường Thị Ngọc	03/10/1995	01ĐH13HS	Hưng Yên	7.37	Khá
139	3110313034	Dương Thị Nhân	26/03/1995	01ĐH13HS	Bắc Giang	6.7	Trung bình khá
140	3110313035	Bùi Thị Nhẹ	25/02/1994	01ĐH13HS	Hải Dương	6.83	Trung bình khá
141	3110313036	Nguyễn Thị Nhung	21/02/1995	01ĐH13HS	Hưng Yên	6.93	Trung bình khá
142	3110313037	Lê Gia Như	20/05/1995	01ĐH13HS	Hưng Yên	7.42	Khá
143	3110313038	Vũ Thị Quyên	05/08/1995	01ĐH13HS	Hải Dương	7.16	Khá
144	3110313039	Nguyễn Thị Thành	09/12/1995	01ĐH13HS	TP Hà Nội	7.24	Khá
145	3110313041	Phạm Thị Thoa	12/12/1994	01ĐH13HS	Bắc Ninh	7.24	Khá
146	3110313042	Dương Thị Thu	04/12/1995	01ĐH13HS	Bắc Giang	7.46	Khá
147	3110313043	Nguyễn Thị Thuý	06/04/1995	01ĐH13HS	TP Hà Nội	7.43	Khá
148	3110313044	Ngô Thị Thùy	10/08/1995	01ĐH13HS	Bắc Ninh	7.05	Khá
149	3110313045	Nguyễn Thị Thương	09/04/1995	01ĐH13HS	Hải Dương	7.1	Khá
150	3110313046	Bùi Thị Trang	04/03/1995	01ĐH13HS	Hải Dương	7.61	Khá
151	3110313047	Ngô Thị Quỳnh Trang	02/08/1995	01ĐH13HS	Quảng Ninh	7.03	Khá
152	3110313048	Trần Thị Thùy Trang	06/11/1995	01ĐH13HS	Quảng Ninh	7.25	Khá
153	3110313049	Nguyễn Hoài Xâm	08/07/1995	01ĐH13HS	TP Hà Nội	7.37	Khá
154	3110313050	Nguyễn Thị Xoa	11/06/1995	01ĐH13HS	Hải Dương	7.2	Khá
155	3110313052	Lê Thị Thanh Xuân	07/10/1995	01ĐH13HS	Thanh Hóa	7.46	Khá
156	3110313053	Phonevilay Xayyalath	06/02/1995	01ĐH13HS	Lào	6.88	Trung bình khá
157	2110713010	Nguyễn Chí Cường	24/01/1994	01ĐH13KTTHA	Thái Bình	7.25	Khá
158	2110713012	Nguyễn Minh Đức	05/01/1994	01ĐH13KTTHA	Bắc Ninh	7.13	Khá
159	2110713045	Lê Lương Sơn	04/09/1995	01ĐH13KTTHA	Bắc Giang	7.1	Khá
160	3110713003	Đặng Quang Anh	26/04/1995	01ĐH13KTTHA	TP Hà Nội	7.35	Khá
161	3110713006	Nguyễn Tuấn Anh	23/04/1995	01ĐH13KTTHA	Bắc Giang	7.27	Khá
162	3110713007	Phạm Quang Tuấn Anh	12/10/1995	01ĐH13KTTHA	Lạng Sơn	7.53	Khá
163	3110713008	Hoàng Ngọc Bắc	12/09/1994	01ĐH13KTTHA	Thanh Hóa	6.82	Trung bình khá
164	3110713009	Vũ Thành Chung	06/10/1995	01ĐH13KTTHA	Hải Dương	7.66	Khá
165	3110713010	Lê Thế Công	02/02/1995	01ĐH13KTTHA	Thanh Hóa	7.34	Khá

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
KHOẠI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 8/2017)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 459/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 25 tháng 8 năm 2017)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	TBC HT	Xếp loại TN
166	3110713011	Nguyễn Chí Công	15/01/1995	01ĐH13KTHA	Hải Dương	7.2	Khá
167	3110713014	Chu Văn Dũng	03/09/1995	01ĐH13KTHA	TP Hà Nội	6.88	Trung bình khá
168	3110713015	Nguyễn Tiến Dũng	23/03/1995	01ĐH13KTHA	Phú Thọ	7.46	Khá
169	3110713018	Đào Đình Đạt	14/01/1995	01ĐH13KTHA	Hưng Yên	7.41	Khá
170	3110713019	Nguyễn Trung Hiếu	24/08/1995	01ĐH13KTHA	Bắc Giang	7.37	Khá
171	3110713021	Nguyễn Chu Hoàng	15/07/1995	01ĐH13KTHA	TP Hà Nội	7.38	Khá
172	3110713022	Nông Minh Hoàng	20/01/1995	01ĐH13KTHA	Yên Bái	7.57	Khá
173	3110713028	Phùng Văn Lâm	01/05/1995	01ĐH13KTHA	Vĩnh Phúc	8.14	Giỏi
174	3110713029	Lê Văn Long	20/06/1995	01ĐH13KTHA	Hà Tĩnh	7.52	Khá
175	3110713031	Nguyễn Đăng Luân	02/02/1995	01ĐH13KTHA	Vĩnh Phúc	7.29	Khá
176	3110713033	Phạm Văn Minh	21/05/1995	01ĐH13KTHA	Nam Định	7.2	Khá
177	3110713034	Hoàng Hoài Nam	20/10/1995	01ĐH13KTHA	Bắc Giang	7.47	Khá
178	3110713036	Nguyễn Xuân Nhung	17/08/1995	01ĐH13KTHA	Bắc Ninh	7.33	Khá
179	3110713038	Hoàng Văn Phong	02/11/1995	01ĐH13KTHA	Bắc Ninh	8.1	Giỏi
180	3110713039	Lương Văn Phong	23/09/1994	01ĐH13KTHA	Hải Dương	7.72	Khá
181	3110713040	Nguyễn Tiến Phúc	24/02/1994	01ĐH13KTHA	Hải Dương	7.68	Khá
182	3110713042	Nguyễn Danh Thành	05/03/1993	01ĐH13KTHA	Vĩnh Phúc	7.19	Khá
183	3110713043	Nguyễn Ngọc Thạch	06/08/1994	01ĐH13KTHA	Hà Nội	7.02	Khá
184	3110713046	Nguyễn Mai Thìn	31/03/1995	01ĐH13KTHA	Bắc Ninh	7.14	Khá
185	3110713047	Tạ Văn Thức	18/02/1995	01ĐH13KTHA	Ninh Bình	7.53	Khá
186	3110713049	Phạm Văn Tiến	09/05/1995	01ĐH13KTHA	Hải Dương	7.26	Khá
187	3110713053	Nguyễn Minh Tuấn	21/11/1995	01ĐH13KTHA	Hòa Bình	7.96	Khá
188	3110713054	Nguyễn Văn Tuấn	12/05/1994	01ĐH13KTHA	Lâm Đồng	7.26	Khá
189	3110713055	Vi Công Tuấn	13/01/1994	01ĐH13KTHA	Thanh Hóa	7.37	Khá
190	3110713056	Vũ Đình Tuấn	15/06/1995	01ĐH13KTHA	Vĩnh Phúc	7.2	Khá
191	3110713058	Lê Tiến Tùng	26/10/1995	01ĐH13KTHA	Thái Bình	7.24	Khá
192	3110713060	Đặng Thành Trung	12/04/1995	01ĐH13KTHA	Vĩnh Phúc	7.2	Khá
193	3110713061	Mai Tiến Trường	23/04/1995	01ĐH13KTHA	Bắc Giang	6.95	Trung bình khá
194	3110713063	Nguyễn Đình Văn	26/03/1995	01ĐH13KTHA	TP Hà Nội	7.89	Khá
195	3110713064	Đoàn Văn Vịnh	29/09/1995	01ĐH13KTHA	Quảng Ninh	8.28	Giỏi
196	3110113003	Phạm Thị Hải Anh	24/10/1995	01ĐH13NHA	Hải Dương	7.2	Khá
197	3110113004	Lương Khánh Chi	02/11/1995	01ĐH13NHA	Hải Phòng	7.25	Khá
198	3110113006	Lê Thị Ngọc Diễm	23/02/1995	01ĐH13NHA	Hưng Yên	7.39	Khá

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
KHOẠI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 8/2017)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 459/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 25 tháng 8 năm 2017)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	TBC HT	Xếp loại TN
199	3110113007	Lê Thị Thùy Dung	05/02/1995	01ĐH13NHA	Hải Dương	7.18	Khá
200	3110113008	Nguyễn Thành Đạt	17/11/1992	01ĐH13NHA	Lạng Sơn	6.79	Trung bình khá
201	3110113010	Nguyễn Thị Thu Hằng	18/01/1995	01ĐH13NHA	Hải Phòng	7.31	Khá
202	3110113011	Phạm Thị Thu Hằng	28/10/1995	01ĐH13NHA	Hải Dương	7.12	Khá
203	3110113012	Lưu Thị Hiền	15/09/1995	01ĐH13NHA	TP Hà Nội	7.15	Khá
204	3110113013	Nguyễn Thị Hoa	20/11/1995	01ĐH13NHA	Bắc Ninh	7.26	Khá
205	3110113014	Phạm Thị Thu Hoài	13/10/1995	01ĐH13NHA	Hung Yên	7.4	Khá
206	3110113015	Nguyễn Thị Huệ	04/02/1993	01ĐH13NHA	Hải Dương	7.37	Khá
207	3110113016	Trần Thị Thu Hường	21/09/1995	01ĐH13NHA	Hải Dương	6.8	Trung bình khá
208	3110113017	Mạc Thị Kiều	24/01/1995	01ĐH13NHA	Hải Dương	7.55	Khá
209	3110113018	Đặng Thị Thanh Lan	27/04/1995	01ĐH13NHA	Hải Dương	7.15	Khá
210	3110113019	Dương Tùng Lâm	14/02/1994	01ĐH13NHA	Bắc Giang	6.68	Trung bình khá
211	3110113020	Lê Thị Thùy Linh	16/02/1995	01ĐH13NHA	Hung Yên	7.48	Khá
212	3110113021	Đặng Thị Loan	31/01/1995	01ĐH13NHA	Hải Dương	7.4	Khá
213	3110113023	Nguyễn Thị Nga	01/08/1995	01ĐH13NHA	Hải Dương	7	Khá
214	3110113024	Nguyễn Thị Ngọc	06/10/1995	01ĐH13NHA	Bắc Ninh	7.29	Khá
215	3110113025	Vương Thị Ngọc	09/04/1995	01ĐH13NHA	Bắc Ninh	7.68	Khá
216	3110113026	Ngô Thị Nhung	01/04/1995	01ĐH13NHA	Vĩnh Phúc	7.19	Khá
217	3110113027	Nguyễn Thị Hồng Nhung	12/08/1995	01ĐH13NHA	Bắc Ninh	7.43	Khá
218	3110113028	Bùi Thị Phương	08/02/1995	01ĐH13NHA	Thái Bình	7.12	Khá
219	3110113029	Nguyễn Thị Phương	09/07/1995	01ĐH13NHA	Bắc Giang	7.57	Khá
220	3110113030	Bùi Văn Phường	01/09/1995	01ĐH13NHA	Hải Dương	7.55	Khá
221	3110113032	Lê Thị Tâm	01/01/1995	01ĐH13NHA	Ninh Bình	7.14	Khá
222	3110113033	Lê Thu Thảo	23/02/1995	01ĐH13NHA	Bắc Giang	7.24	Khá
223	3110113034	Nguyễn Thị Thảo	31/12/1995	01ĐH13NHA	Hải Dương	6.99	Trung bình khá
224	3110113035	Tiên Thị Thu Thảo	16/07/1995	01ĐH13NHA	Hải Dương	7.14	Khá
225	3110113036	Lê Văn Thắng	15/10/1995	01ĐH13NHA	Bắc Giang	7.35	Khá
226	3110113037	Nguyễn Thị Thoan	14/09/1995	01ĐH13NHA	Hải Dương	7.48	Khá
227	3110113038	Đặng Thu Trang	13/08/1995	01ĐH13NHA	Hải Dương	7.09	Khá
228	3110113039	Nguyễn Thị Thu Trang	13/09/1995	01ĐH13NHA	Hải Dương	7.04	Khá
229	3110113040	Nguyễn Thị Xuân	27/10/1995	01ĐH13NHA	Bắc Giang	7.58	Khá
230	3110113042	Đỗ Thị Yến	21/10/1995	01ĐH13NHA	Hải Phòng	7.62	Khá
231	3110113043	Nguyễn Hải Yến	22/05/1995	01ĐH13NHA	Hải Dương	7.25	Khá

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
KHOẠI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 8/2017)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 459/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 25 tháng 8 năm 2017)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	TBC HT	Xếp loại TN
232	2110713049	Nguyễn Quyết Thắng	01/12/1995	01ĐH13VLTL	Tuyên Quang	7.35	Khá
233	2110813002	Phùng Quỳnh Anh	25/11/1994	01ĐH13VLTL	TP Hà Nội	7.18	Khá
234	2110813041	Trần Lê Minh Trang	03/11/1995	01ĐH13VLTL	Hải Dương	7.13	Khá
235	3110813001	Đặng Anh Đức	05/04/1995	01ĐH13VLTL	Bắc Giang	7.01	Khá
236	3110813002	Nguyễn Thị Ngọc Bích	21/06/1995	01ĐH13VLTL	Hải Dương	7.07	Khá
237	3110813003	Phạm Thị Châu	19/02/1995	01ĐH13VLTL	Thái Bình	7.17	Khá
238	3110813004	Dương Thị Thu Cúc	18/11/1995	01ĐH13VLTL	Quảng Ninh	7.59	Khá
239	3110813005	Phạm Thị Thuý Diệu	19/01/1995	01ĐH13VLTL	Ninh Bình	7.07	Khá
240	3110813006	Nguyễn Thị Dung	11/02/1995	01ĐH13VLTL	Thái Bình	7.64	Khá
241	3110813007	Phạm Thị Dung	20/10/1995	01ĐH13VLTL	Ninh Bình	7.59	Khá
242	3110813008	Vũ Phương Dung	18/06/1995	01ĐH13VLTL	Hải Dương	7.51	Khá
243	3110813009	Đào Thuý Dương	01/02/1995	01ĐH13VLTL	Hưng Yên	7.69	Khá
244	3110813011	Nguyễn Văn Đoàn	24/12/1995	01ĐH13VLTL	Nam Định	6.66	Trung bình khá
245	3110813012	Lưu Thị Hà	11/02/1995	01ĐH13VLTL	Vĩnh Phúc	7.37	Khá
246	3110813013	Nguyễn Thị Thu Hà	02/09/1995	01ĐH13VLTL	Quảng Ninh	7.64	Khá
247	3110813014	Nguyễn Thị Hằng	02/05/1995	01ĐH13VLTL	Hải Dương	7.38	Khá
248	3110813016	Hoàng Thị Kim Hoan	10/05/1995	01ĐH13VLTL	Hưng Yên	7.16	Khá
249	3110813017	Bùi Văn Hoàng	10/10/1988	01ĐH13VLTL	Hải Dương	6.74	Trung bình khá
250	3110813018	Phạm Văn Hoàng	28/12/1995	01ĐH13VLTL	Bắc Giang	6.74	Trung bình khá
251	3110813019	Đoàn Thu Huyền	28/10/1995	01ĐH13VLTL	Hưng Yên	7.52	Khá
252	3110813020	Nguyễn Thị Huyền	11/12/1995	01ĐH13VLTL	Bắc Ninh	7.23	Khá
253	3110813021	Cao Thị Mai Hương	01/10/1995	01ĐH13VLTL	Quảng Ninh	7.47	Khá
254	3110813022	Nguyễn Thị Khánh	13/06/1995	01ĐH13VLTL	Thanh Hóa	6.85	Trung bình khá
255	3110813023	Dương Thị Kiều	29/05/1995	01ĐH13VLTL	Hưng Yên	7.28	Khá
256	3110813024	Trần Thị Len	08/01/1994	01ĐH13VLTL	Bắc Giang	7.87	Khá
257	3110813025	Nguyễn Thị Lệ	06/10/1995	01ĐH13VLTL	Bắc Giang	7.8	Khá
258	3110813026	Lê Thị Mai	20/03/1995	01ĐH13VLTL	Hải Dương	7.22	Khá
259	3110813027	Nguyễn Thị Nga	01/03/1995	01ĐH13VLTL	Hà Tĩnh	7.33	Khá
260	3110813028	Vũ Thị Thuý Ngọc	30/03/1995	01ĐH13VLTL	Bắc Ninh	7.35	Khá
261	3110813029	Nguyễn ánh Nguyệt	13/02/1995	01ĐH13VLTL	Hà Nam	7.41	Khá
262	3110813030	Nguyễn Thị Nguyệt	23/05/1995	01ĐH13VLTL	Thanh Hóa	7.19	Khá
263	3110813031	Triệu Thị Nhung	02/11/1995	01ĐH13VLTL	Tuyên Quang	7.05	Khá
264	3110813033	Nguyễn Thị Phượng	08/10/1995	01ĐH13VLTL	Hải Dương	7.24	Khá

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
KHỐI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 8/2017)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 459/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 25 tháng 8 năm 2017)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	TBC HT	Xếp loại TN
265	3110813034	Đặng Thị Quyên	02/02/1995	01ĐH13VLTL	Nghệ An	7.51	Khá
266	3110813035	Lương Văn Sơn	15/07/1995	01ĐH13VLTL	Ninh Bình	6.61	Trung bình khá
267	3110813037	Hoàng Minh Thắng	26/02/1995	01ĐH13VLTL	Tuyên Quang	6.85	Trung bình khá
268	3110813038	Đặng Kim Thiết	27/01/1995	01ĐH13VLTL	Hải Dương	6.94	Trung bình khá
269	3110813039	Trần Minh Thuý	27/01/1994	01ĐH13VLTL	Hung Yên	7.4	Khá
270	3110813040	Bùi Thu Thủy	04/09/1995	01ĐH13VLTL	Hải Phòng	7.39	Khá
271	3110813041	Chu Đình Vũ	31/01/1995	01ĐH13VLTL	Hung Yên	7.26	Khá
272	3110813042	Nguyễn Thị Yến	04/09/1995	01ĐH13VLTL	Lào Cai	7.49	Khá
273	2110513057	Triệu Thị Vân	05/08/1994	01ĐH13XN	Hải Dương	7.5	Khá
274	3110512020	Vũ Thị Hoà	01/11/1994	01ĐH13XN	Bắc Giang	7	Khá
275	3110513001	Mai Thị An	08/12/1995	01ĐH13XN	Thanh Hóa	7.2	Khá
276	3110513002	Lê Tuấn Anh	29/12/1995	01ĐH13XN	Hà Giang	7.13	Khá
277	3110513003	Vũ Thị Vân Anh	25/01/1995	01ĐH13XN	Hải Dương	7.45	Khá
278	3110513004	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	20/03/1995	01ĐH13XN	Thái Bình	7.38	Khá
279	3110513005	Đàm Thị Thanh Bình	14/12/1995	01ĐH13XN	Hung Yên	7.63	Khá
280	3110513006	Phan Văn Bộ	23/02/1994	01ĐH13XN	Bắc Giang	6.89	Trung bình khá
281	3110513009	Tăng Thị Diễm	19/09/1994	01ĐH13XN	Hải Dương	7.75	Khá
282	3110513010	Đặng Thị Diệu	16/12/1994	01ĐH13XN	Thái Bình	7.52	Khá
283	3110513011	Trần Thị Dịu	16/01/1995	01ĐH13XN	Hải Dương	6.55	Trung bình khá
284	3110513012	Hồ Thị Duyên	22/03/1995	01ĐH13XN	Thái Bình	7.6	Khá
285	3110513013	Nguyễn Trịnh Thế Duyệt	17/11/1995	01ĐH13XN	Hòa Bình	6.91	Trung bình khá
286	3110513014	Nguyễn Trung Định	25/03/1995	01ĐH13XN	Phú Thọ	6.4	Trung bình khá
287	3110513015	Lưu Thị Hương Giang	07/11/1995	01ĐH13XN	Hung Yên	8.2	Giỏi
288	3110513016	Nguyễn Thị Giang	01/03/1995	01ĐH13XN	TP Hà Nội	7.5	Khá
289	3110513017	Nguyễn Thị Thu Hà	17/10/1995	01ĐH13XN	Hải Dương	7.55	Khá
290	3110513018	Trần Thị Hải	08/01/1995	01ĐH13XN	Hung Yên	7.08	Khá
291	3110513019	Bùi Thị Mỹ Hạnh	12/04/1995	01ĐH13XN	Thái Bình	7.34	Khá
292	3110513022	Nguyễn Thị Hoài	24/08/1995	01ĐH13XN	Thái Bình	7.9	Khá
293	3110513023	Hoàng Thị Hòa	23/06/1994	01ĐH13XN	Yên Bái	8.02	Giỏi
294	3110513024	Phạm Thị Thuý Hồng	01/10/1995	01ĐH13XN	Ninh Bình	7.21	Khá
295	3110513025	Lê Thị Huệ	07/09/1995	01ĐH13XN	Hung Yên	7.58	Khá
296	3110513026	Nguyễn Thị Huệ	02/08/1995	01ĐH13XN	Bắc Giang	7.48	Khá
297	3110513027	Nguyễn Thị Thanh Huyền	05/07/1995	01ĐH13XN	Bắc Giang	7.68	Khá

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
KHỐI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 8/2017)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 459/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 25 tháng 8 năm 2017)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	TBC HT	Xếp loại TN
298	3110513028	Mai Thị Thanh Hương	10/10/1995	01ĐH13XN	Thanh Hóa	7.35	Khá
299	3110513029	Nguyễn Thị Lan Hương	19/12/1995	01ĐH13XN	Thanh Hóa	7.55	Khá
300	3110513030	Vũ Hoài Sông Hương	18/10/1995	01ĐH13XN	Lào Cai	7.42	Khá
301	3110513031	Đoàn Công Khôi	13/08/1995	01ĐH13XN	Hải Dương	6.88	Trung bình khá
302	3110513032	Ứng Thị Thanh Lam	13/11/1994	01ĐH13XN	TP Hà Nội	7.41	Khá
303	3110513033	Nguyễn Thị Lan	02/06/1995	01ĐH13XN	Nam Định	7.32	Khá
304	3110513035	Lưu Nhật Lệ	27/07/1995	01ĐH13XN	Thái Nguyên	7.62	Khá
305	3110513036	Nguyễn Thị Liên	27/07/1995	01ĐH13XN	Bắc Ninh	7.29	Khá
306	3110513037	Hoàng Khánh Linh	02/03/1995	01ĐH13XN	Thanh Hóa	7.32	Khá
307	3110513038	Trần Thuý Linh	27/09/1995	01ĐH13XN	Bắc Giang	7.5	Khá
308	3110513039	Phạm Thị Loan	02/06/1994	01ĐH13XN	Nghệ An	8.04	Giỏi
309	3110513040	Vũ Thị Loan	26/04/1995	01ĐH13XN	Hải Dương	7.05	Khá
310	3110513041	Nguyễn Thị Lương	13/08/1995	01ĐH13XN	Vĩnh Phúc	7.29	Khá
311	3110513042	Vũ Thị Ngọc Mai	26/06/1995	01ĐH13XN	Thái Bình	8.08	Giỏi
312	3110513043	Dương Văn Minh	02/07/1995	01ĐH13XN	TP Hà Nội	6.62	Trung bình khá
313	3110513044	Đỗ Thị Nga	17/05/1995	01ĐH13XN	Thái Bình	7.46	Khá
314	3110513045	Nguyễn Thị Ngân	01/07/1995	01ĐH13XN	Bắc Ninh	7.5	Khá
315	3110513046	Đinh Thị Hồng Ngọc	21/11/1995	01ĐH13XN	Bắc Ninh	6.84	Trung bình khá
316	3110513047	Nguyễn Thị Ngọc	20/10/1995	01ĐH13XN	Hải Dương	7.33	Khá
317	3110513048	Trần Thị Bích Ngọc	09/08/1995	01ĐH13XN	Điện Biên	7.27	Khá
318	3110513049	Phạm Thị Nguyệt	08/05/1995	01ĐH13XN	Bắc Ninh	7.84	Khá
319	3110513051	Đinh Thị Hồng Nhung	27/05/1995	01ĐH13XN	Quảng Ninh	7.61	Khá
320	3110513052	Lại Thị Hồng Nhung	02/07/1995	01ĐH13XN	Thái Bình	7.09	Khá
321	3110513053	Thái Thị Cẩm Nhung	28/02/1995	01ĐH13XN	Nghệ An	7.61	Khá
322	3110513054	Ngô Thị Ngọc Oanh	10/01/1995	01ĐH13XN	Bắc Giang	7.74	Khá
323	3110513055	Nguyễn Thị Phần	10/09/1995	01ĐH13XN	Hà Giang	7.09	Khá
324	3110513056	Đặng Thị Phúc	16/09/1995	01ĐH13XN	Nghệ An	6.82	Trung bình khá
325	3110513057	Lưu Thị Phượng	08/06/1995	01ĐH13XN	TP Hà Nội	7.76	Khá
326	3110513058	Diêm Thị Quỳnh	17/12/1995	01ĐH13XN	Bắc Giang	7.5	Khá
327	3110513059	Ma Diễm Quỳnh	06/09/1995	01ĐH13XN	Tuyên Quang	7.7	Khá
328	3110513060	Phạm Thị Quỳnh	09/05/1995	01ĐH13XN	Thanh Hóa	7.23	Khá
329	3110513061	Đinh Thị Tâm	08/03/1995	01ĐH13XN	Bắc Ninh	6.82	Trung bình khá
330	3110513062	Hồ Thị Thanh	06/05/1994	01ĐH13XN	Nghệ An	8.12	Giỏi

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
KHỐI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 8/2017)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 459/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 25 tháng 8 năm 2017)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	TBC HT	Xếp loại TN
331	3110513063	Hà Thị Thảo	01/04/1995	01ĐH13XN	Bắc Giang	7.23	Khá
332	3110513065	Vũ Đình Thông	13/07/1995	01ĐH13XN	Hải Dương	7.49	Khá
333	3110513066	Nguyễn Thị Thơm	19/04/1995	01ĐH13XN	Bắc Ninh	7.38	Khá
334	3110513067	Đoàn Thị Thuý	25/12/1995	01ĐH13XN	Hưng Yên	7.96	Khá
335	3110513068	Vũ Thị Thuý	25/10/1995	01ĐH13XN	Hải Dương	7.5	Khá
336	3110513069	Ngô Thị Thanh Thủy	14/10/1995	01ĐH13XN	Thái Bình	7.46	Khá
337	3110513070	Lò Thị Tiên	01/03/1993	01ĐH13XN	Sơn La	6.97	Trung bình khá
338	3110513071	Nguyễn Tiến Toàn	23/07/1995	01ĐH13XN	Vĩnh Phúc	7.12	Khá
339	3110513072	Nguyễn Thị Tuyết	08/08/1995	01ĐH13XN	Bắc Ninh	7.84	Khá
340	3110513073	Dương Đức Tùng	02/03/1995	01ĐH13XN	Quảng Ninh	7.12	Khá
341	3110513075	Đoàn Thị Trang	28/05/1995	01ĐH13XN	Hà Nam	7.87	Khá
342	3110513076	Nguyễn Thị Thu Trang	30/09/1995	01ĐH13XN	Hưng Yên	7.16	Khá
343	3110513077	Phạm Thị Trang	10/03/1995	01ĐH13XN	Nam Định	7.67	Khá
344	3110513079	Hoàng Thị Vui	03/07/1994	01ĐH13XN	Sơn La	6.47	Trung bình khá
345	3110513080	Phùng Thảo Vy	31/10/1995	01ĐH13XN	Điện Biên	7.85	Khá
346	3110513081	Vũ Thị Hải Yến	23/08/1994	01ĐH13XN	Hòa Bình	7	Khá
347	3110512098	Vũ Thị Kim Oanh	14/07/1993	02ĐH13XN	Hải Dương	7.45	Khá
348	3110513082	Nông Thị An	16/02/1995	02ĐH13XN	Bắc Giang	7.72	Khá
349	3110513083	Nguyễn Thị Phương Anh	10/09/1995	02ĐH13XN	TP Hà Nội	7.6	Khá
350	3110513085	Trần Thị Bích	26/12/1995	02ĐH13XN	Bắc Ninh	7.15	Khá
351	3110513086	Nguyễn Thị Thanh Bình	28/09/1995	02ĐH13XN	Gia Lai	7.66	Khá
352	3110513087	Mùi Thị Chi	09/12/1993	02ĐH13XN	Sơn La	6.68	Trung bình khá
353	3110513088	Nguyễn Huy Cương	12/05/1995	02ĐH13XN	Hải Phòng	6.72	Trung bình khá
354	3110513089	Lê Thị Diễm	09/08/1995	02ĐH13XN	Bắc Giang	7.96	Khá
355	3110513090	Vũ Thị Hồng Diễm	13/08/1995	02ĐH13XN	Hải Dương	7.67	Khá
356	3110513091	Nguyễn Thị Dịu	15/08/1995	02ĐH13XN	Thái Bình	7.19	Khá
357	3110513092	Đồng Thị Dung	24/09/1995	02ĐH13XN	Ninh Bình	6.94	Trung bình khá
358	3110513093	Trần Thuý Duyên	02/06/1995	02ĐH13XN	Quảng Ninh	7.39	Khá
359	3110513094	Phạm Thị Đào	02/05/1995	02ĐH13XN	Ninh Bình	6.92	Trung bình khá
360	3110513095	Đào Hương Giang	07/12/1995	02ĐH13XN	Quảng Ninh	7.42	Khá
361	3110513096	Nguyễn Thị Lệ Giang	29/10/1995	02ĐH13XN	Bắc Giang	7.11	Khá
362	3110513097	Bùi Thị Hà	21/06/1994	02ĐH13XN	Nghệ An	6.95	Trung bình khá
363	3110513098	Nguyễn Thị Hải	26/10/1995	02ĐH13XN	Bắc Ninh	8.32	Giỏi

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
KHOẠI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 8/2017)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 459/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 25 tháng 8 năm 2017)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	TBC HT	Xếp loại TN
364	3110513099	Nguyễn Thị Hào	11/07/1995	02ĐH13XN	Vĩnh Phúc	7.7	Khá
365	3110513100	Đỗ Thị Minh Hằng	03/07/1995	02ĐH13XN	Phú Thọ	7.4	Khá
366	3110513101	Nguyễn Thị Hiền	20/02/1995	02ĐH13XN	Hải Dương	7.25	Khá
367	3110513102	Nguyễn Thị Hoài	26/03/1995	02ĐH13XN	Hưng Yên	7.5	Khá
368	3110513104	Nguyễn Thị Hồng	31/01/1995	02ĐH13XN	Bắc Ninh	7.45	Khá
369	3110513105	Phạm Ngọc Huệ	12/05/1995	02ĐH13XN	Bắc Ninh	6.6	Trung bình khá
370	3110513106	Lê Thị Huệ	12/03/1995	02ĐH13XN	Thái Bình	7.52	Khá
371	3110513109	Nguyễn Thị Lan Hương	28/06/1995	02ĐH13XN	Thái Bình	7.45	Khá
372	3110513111	Phạm Thị Hương	10/07/1995	02ĐH13XN	Nam Định	7.4	Khá
373	3110513112	Đồng Thị Lam	04/10/1995	02ĐH13XN	Hà Tĩnh	7.09	Khá
374	3110513114	Ngô Tùng Lâm	03/09/1995	02ĐH13XN	Bắc Giang	7.47	Khá
375	3110513115	Phương Thị Lâm	25/01/1995	02ĐH13XN	TP Hà Nội	8.09	Giỏi
376	3110513116	Giang Thị út Liên	01/09/1995	02ĐH13XN	Hưng Yên	7.12	Khá
377	3110513118	Phan Thị Thuỳ Linh	05/07/1995	02ĐH13XN	Hưng Yên	7.38	Khá
378	3110513120	Phùng Thị Loan	09/01/1995	02ĐH13XN	TP Hà Nội	7.55	Khá
379	3110513121	Vũ Thị Loan	03/09/1995	02ĐH13XN	Bắc Giang	7.01	Khá
380	3110513122	Nguyễn Thị Lý	15/02/1995	02ĐH13XN	Phú Thọ	7.46	Khá
381	3110513123	Nguyễn Thị Mến	24/11/1995	02ĐH13XN	Bắc Ninh	7.4	Khá
382	3110513124	Bùi Thu Nga	16/08/1995	02ĐH13XN	Hải Phòng	7.26	Khá
383	3110513125	Nguyễn Thị Ngân	27/11/1995	02ĐH13XN	Nam Định	7.18	Khá
384	3110513126	Trần Thị Minh Ngân	05/02/1995	02ĐH13XN	Bắc Giang	7.32	Khá
385	3110513127	Nguyễn Mai Ngọc	15/10/1995	02ĐH13XN	Nam Định	7.03	Khá
386	3110513128	Nguyễn Thị Ngọc	27/11/1995	02ĐH13XN	TP Hà Nội	7.19	Khá
387	3110513129	Trần Thị Hồng Ngọc	11/02/1994	02ĐH13XN	Quảng Ninh	7.33	Khá
388	3110513130	Hà Thị Bích Nhân	23/04/1995	02ĐH13XN	Phú Thọ	7.38	Khá
389	3110513131	Nguyễn Thị Hải Nhi	23/05/1995	02ĐH13XN	Gia Lai	7.72	Khá
390	3110513132	Đỗ Thị Hồng Nhung	14/09/1995	02ĐH13XN	Vĩnh Phúc	7.69	Khá
391	3110513133	Phùng Thị Nhung	08/02/1995	02ĐH13XN	Hải Dương	7.9	Khá
392	3110513134	Phan Mạnh Ninh	18/04/1995	02ĐH13XN	Ninh Bình	7.72	Khá
393	3110513135	Vũ Thị Oanh	14/07/1995	02ĐH13XN	Thái Bình	7.15	Khá
394	3110513136	Phạm Hùng Phi	14/09/1995	02ĐH13XN	Nam Định	6.74	Trung bình khá
395	3110513137	Phạm Thị Phương	18/09/1995	02ĐH13XN	Thanh Hóa	8.18	Giỏi
396	3110513138	Vũ Thị Quyên	30/03/1995	02ĐH13XN	Bắc Giang	7.32	Khá

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

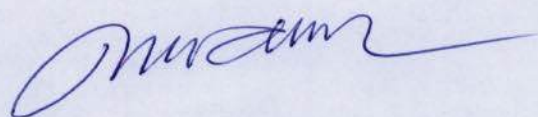
DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
KHỐI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 8/2017)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 459/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 25 tháng 8 năm 2017)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	TBC HT	Xếp loại TN
397	3110513139	Lê Như Quỳnh	23/01/1995	02ĐH13XN	Vĩnh Phúc	7.61	Khá
398	3110513140	Nguyễn Ngọc Quỳnh	15/09/1995	02ĐH13XN	Vĩnh Phúc	6.89	Trung bình khá
399	3110513141	Phạm Thị Sim	19/02/1995	02ĐH13XN	Hung Yên	7.42	Khá
400	3110513142	Vũ Thị Minh Tâm	26/12/1995	02ĐH13XN	Thái Bình	7.9	Khá
401	3110513143	Nguyễn Thị Phương Thanh	12/10/1994	02ĐH13XN	Hải Dương	7.1	Khá
402	3110513144	Phạm Thị Thảo	20/08/1995	02ĐH13XN	Hung Yên	7	Khá
403	3110513145	Nguyễn Thị Thi	18/02/1995	02ĐH13XN	Bắc Ninh	7.03	Khá
404	3110513146	Bùi Thị Thơm	22/12/1995	02ĐH13XN	Bắc Ninh	7.74	Khá
405	3110513148	Trần Thị Ngọc Thuỷ	30/08/1995	02ĐH13XN	TP Hà Nội	7.34	Khá
406	3110513149	Tổng Thị Thúy	30/01/1994	02ĐH13XN	Thái Bình	7.03	Khá
407	3110513150	Nguyễn Thị Thuỷ Tiên	17/09/1995	02ĐH13XN	Thái Bình	7.33	Khá
408	3110513152	Phan Quang Tuấn	11/08/1995	02ĐH13XN	Phù Thọ	7.11	Khá
409	3110513153	Trần Thị Tuyết	20/05/1995	02ĐH13XN	Bắc Giang	7.35	Khá
410	3110513154	Trần Xuân Tùng	28/10/1995	02ĐH13XN	Phù Thọ	7.17	Khá
411	3110513155	Nguyễn Thị Thanh Tươi	12/10/1995	02ĐH13XN	Hung Yên	7.02	Khá
412	3110513156	Nguyễn Thị Trang	15/12/1994	02ĐH13XN	Bắc Ninh	6.96	Trung bình khá
413	3110513157	Phạm Thị Huyền Trang	10/11/1995	02ĐH13XN	Thái Bình	7.06	Khá
414	3110513159	Lê Thị Lệ Xuân	03/02/1995	02ĐH13XN	TP Hà Nội	7.58	Khá
415	3110513160	Nguyễn Đình Minh Vương	14/09/1995	02ĐH13XN	TP Hà Nội	6.88	Trung bình khá
416	3110312023	Lê Thị Hương	05/11/1994	01ĐH12HS	Thanh Hóa	6.41	Trung bình khá
417	3110712013	Phạm Tiến Dũng	07/06/1994	01ĐH12KTHA	Hải Dương	6.26	Trung bình khá
418	3110712020	Phạm Phú Đạt	27/12/1993	01ĐH12KTHA	Lạng Sơn	6.35	Trung bình khá
419	3110712056	Hoàng Duy Tân	18/12/1993	01ĐH12KTHA	Lạng Sơn	6.88	Trung bình khá
420	3110112015	Lại Hợp Hạnh	23/10/1994	01ĐH12NHA	Thái Bình	6.53	Trung bình khá
421	3110812003	Tạ Hồng Cương	21/03/1994	01ĐH12VLTL	Bắc Ninh	6.53	Trung bình khá
422	3110512004	Trần Thị Kiều Anh	28/07/1994	01ĐH12XN	Hải Dương	6.56	Trung bình khá
423	3110512043	Lâu Y Ông	12/01/1993	01ĐH12XN	Nghệ An	6.31	Trung bình khá

Hải Dương, ngày 25 tháng 8 năm 2017

TRƯỞNG PHÒNG QL ĐÀO TẠO



TS. Trần Thị Minh Tâm



HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Thị Diệu Hằng